

Anh Hà Thủ Đ, sinh năm 1981; trú tại: Xóm L, xã T, huyện N, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân nên từ đầu năm 2016 đến năm 2018 Hoàng Thị V đã thuê làm giả các giấy tờ như: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và đưa ra những thông tin không đúng sự thật để người bị hại tin tưởng trong việc cầm cố, thế chấp tài sản và lập hợp đồng mua bán để lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Ngày 28/8/2014, Hoàng Thị V ký hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 729, tờ bản đồ số 26, diện tích 200m² tại tổ 17, phường T, thành phố N với anh Nguyễn Hồng D và được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU962799 mang tên Hoàng Thị V đối với thửa đất trên. Ngày 16/10/2015, Hoàng Thị V cùng chồng là Hà Thủ Đ ký Hợp đồng tín dụng số 800305214/HĐTC, thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam (Viettinbank), Chi nhánh Thái Nguyên - Phòng Giao dịch Đán để vay số tiền 900.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng. Hết thời hạn, vợ chồng V đã trả xong nợ cho Ngân hàng. Ngày 23/10/2017, Hoàng Thị V và Hà Thủ Đ tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng số 800335292/HĐTD và được Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Phòng giao dịch Đán cho vay số tiền 900.000.000 đồng, tài sản đảm bảo cho khoản vay vẫn là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU962799. Trong thời gian này, V đang thế chấp xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato BKS 20A-275.37 (thuộc sở hữu của V) tại Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - chi nhánh Kinh Đô theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1807160800663 để vay số tiền 438.000.000 đồng, thời hạn cho vay 83 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày 30/7/2018 đến ngày 30/6/2025, Giấy đăng ký xe (bản thật) do Ngân hàng quản lý.

Sau khi đã thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xe ô tô, V lên mạng Internet liên hệ và thuê một người không rõ tên, địa chỉ làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU962799 giống như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật đã được cấp với giá 3.000.000 đồng và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô Kia Cerato BKS 20A-275.37 với giá 500.000 đồng, mục đích sử dụng khi cần.

Đến khoảng cuối tháng 9, đầu tháng 10 năm 2018 do cần tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân, Hoàng Thị V đã nảy sinh ý định sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BU962799 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả của xe ô tô

Kia Cerato BKS 20A-275.37 để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thông qua anh Phạm Văn Th là người quen của V, Thành giới thiệu V với vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị Đ; trú tại xóm B, xã K, huyện T, tỉnh Thái Nguyên là người chuyên cho vay và đảo nợ Ngân hàng. V đã liên hệ qua điện thoại đặt vấn đề thế chấp xe ô tô Kia Cerato BKS 20A-275.37 cùng giấy tờ xe và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU962799 (giả) nêu trên để vay tiền. Tuy nhiên, chị Đ và anh T tình yêu cầu Hoàng Thị V phải làm thủ tục ký kết hợp đồng chuyển nhượng mới cho vay tiền và hẹn đến nhà để bàn bạc cụ thể, V đồng ý. Khoảng hai ngày sau, V đi xe ô tô đến nhà chị Đ và cho xem giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị Đ tin tưởng các giấy tờ mà V cho xem là thật và đồng ý cho V vay tiền.

Ngày 02/11/2018, V lái xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato BKS 20A-275.37 cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 044252 và 01 Giấy chứng nhận kiểm định xe đến nhà chị Đ để cầm cố xe vay tiền. Tại nhà chị Đ, V đã viết 01 giấy bán xe và giao xe ô tô cùng giấy tờ trên cho chị Đ, chị Đ đã giao cho V số tiền là 500.000.000 đồng. Sau đó, V bắt xe về Thái Nguyên và hẹn vợ chồng chị Đ xuống Thái Nguyên để xem đất. Khoảng 02 ngày sau, vợ chồng chị Đ đi xuống Thái Nguyên để V dẫn đi xem 01 mảnh đất tại khu vực phía sau Công an phường T, thành phố N. Sau khi xem thửa đất và đối chiếu với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vợ chồng chị Đ đồng ý tiếp tục cho V vay số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 05/11/2018, tại Văn phòng công chứng Trung Thành, tỉnh Thái Nguyên, Hoàng Thị V ký hợp đồng chuyển nhượng (bán) cho chị Trần Thị Đ thửa đất số 729, tờ bản đồ số 26, diện tích 200m² tại tổ 17, phường T, thành phố N, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU962799 do Ủy ban Nhân dân Thành phố N cấp ngày 04/09/2014 với giá 700.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng trên, V đã nhận thêm số tiền 100.000.000 đồng tại xe ô tô của chị Đ. Ngày 06/11/2018, chị Trần Thị Đ tiếp tục chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản của Hoàng Thị V. V đã sử dụng toàn bộ số tiền chiếm đoạt được vào việc trả các khoản nợ và chi tiêu cá nhân.

Quá trình điều tra, chị Trần Thị Đ khai số tiền bị V chiếm đoạt là 1.200.000.000 đồng cụ thể: V sử dụng xe ô tô và Giấy đăng chứng nhận đăng ký xe ô tô Kia Cerato BKS 20A-275.37 giả để chiếm đoạt số tiền 500.000.000 đồng và sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU962799 chiếm đoạt số tiền là 700.000.000 đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào Giấy bán (cho tặng) xe ô tô giữa Hoàng Thị V và chị Đ; giấy nộp tiền vào tài khoản Ngân hàng của chị Đ cũng như diễn biến của vụ án và tài liệu điều tra đủ cơ sở xác định Hoàng Thị V đã sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy đăng ký xe ô tô giả lừa đảo chiếm đoạt số tiền 700.000.00 đồng của vợ chồng chị Trần Thị Đ.

Khám xét nơi ở của Hoàng Thị V đã phát hiện và thu giữ:

- 01 bản phô tô Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đề ngày 28/8/2014, thể hiện bên chuyển nhượng là: ông Nguyễn Tuấn A, SN: 02/3/1987, Bên nhận chuyển nhượng là: bà Hoàng Thị V (gồm 3 tờ).

- 01 bản phô tô Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đề ngày 28/8/2014, thể hiện bên chuyển nhượng là: ông Nguyễn Hồng D, SN: 1973, Bên nhận chuyển nhượng là: bà Hoàng Thị V, SN: 1983 + Lời chứng kèm theo (gồm 3 tờ).

- 01 bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 749694 mang tên Hoàng Thị V đề do UBND thành phố N cấp ngày 04/12/2012.

- 04 bản phô tô Lời chứng của công chứng viên có nội dung thể hiện việc công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Bên chuyển nhượng là ông: Nguyễn Tuấn A với Bên nhận chuyển nhượng là bà: Hoàng Thị V (có dấu hiệu bị cắt dán, phô tô lại).

- 01 bản phô tô Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể do Phòng Tài chính kế hoạch UBND huyện N cấp, có dán tên Hà Thủ Đ vào phần tên hộ kinh doanh.

- 01 bản chính “Giấy nhận tiền xin việc” có chữ viết tay đứng tên Hoàng Thị V ở cả hai mặt trên tờ giấy A4.

Cơ quan điều tra tiến hành trưng cầu giám định những tài liệu có liên quan đến vụ án, kết quả:

- Tại Bản kết luận giám định số 277/KL - PC09 ngày 16/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên (Giám định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU962799; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất) kết luận:

“Chữ ký mang tên “Lê Quang T” trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu A1) so với chữ ký mang tên “Lê Quang T” trên tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

Hình dấu tròn đỏ được in bằng phương pháp in phun.

Chữ viết và chữ ký mang tên “Hoàng Thị V” trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu A2) so với chữ ký và chữ viết mang tên “Hoàng Thị V” trên các mẫu tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M2, M3, M4) do cùng một người viết và ký ra”.

- Tại Bản kết luận giám định số 91/KL-KTHS ngày 01/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên, kết luận:

“Chứng nhận đăng ký xe ô tô” số 016133 (Ký hiệu A1) là giả bằng phương pháp in phun màu.

Hình dấu tròn đỏ có nội dung “ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N

T.THÁI NGUYỄN” trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu: A2) là giả bằng phương pháp in phun màu.

Chữ ký mang tên “Lê Quang T” trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu A2) so với chữ ký mang tên “Lê Quang T” trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M3) không phải do cùng một người ký ra.

Chữ viết và chữ ký mang tên “Hoàng Thị V” trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu A3; A4; A5;A6) so với chữ ký và chữ viết mang tên “Hoàng Thị V” trên các mẫu tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M1, M2) do cùng một người viết và ký ra”.

- Tại Bản kết luận giám định số 36/KL-KTHS ngày 25/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên (Giám định giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô thu giữ do Trần Thị Đ giao nộp) kết luận:

“1. Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 044252 (Ký hiệu: A1) là giả, làm bằng phương pháp in phun màu.

2. Chữ viết, chữ ký mang tên Hoàng Thị V trên các tài liệu cần giám định (Ký hiệu A2) so với chữ viết, chữ ký của Hoàng Thị V trên các tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu: M1, M2A, M2B, M2C) do cùng một người viết và ký ra”.

- Tại Bản kết luận giám định số 95/KL-KTHS ngày 02/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên (Giám định đối với giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cung cấp), kết luận:

“Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 044252 (Ký hiệu A1) là thật”.

- Tại Bản kết luận giám định số 130/KL-KTHS ngày 07/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên, kết luận: *“01 xe ô tô nhãn hiệu: KIA; số loại: CERATO; màu sơn: đen; BKS: 20A-275.37 xe đã qua sử dụng, hàng số: RNYYE41A6JC128959 đóng trên khung xe và hàng số: G4FGJH601483 đóng trên thân máy xe là số nguyên thủy”.*

Ngoài ra, cũng bằng thủ đoạn tương tự như trên, V đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Th số tiền 300.000.000 đồng, bà Thoan phát hiện Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô là giả nên đã đòi nhiều lần, V đã trả lại cho bà Thoan tổng số tiền 200.000.000 đồng, hiện V vẫn còn chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng; làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chuyển nhượng cho chị Vũ Thị Hồng Phượng với số tiền 1.470.000.000 đồng. Tổng số tiền V chiếm đoạt là: 2.470.000.000 đồng.

- Vợ chồng chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Văn T yêu cầu Hoàng Thị V bồi thường số tiền 1.200.000.000đồng.

- Bà Nguyễn Thị Th yêu cầu Hoàng Thị V bồi thường số tiền 100.000.000 đồng đã chiếm đoạt của bà Thoan chưa hoàn trả.

- Bà Vũ Thị Hồng Phượng yêu cầu Hoàng Thị V bồi thường số tiền 1.470.000.000 đồng.

Ngày 07/02/2020 bà Nguyễn Thị T (là mẹ đẻ của Hoàng Thị V) đã tự nguyện nộp số tiền 10.000.000 đồng vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thái Nguyên để khắc phục hậu quả vụ án cho Hoàng Thị V.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 16/2020/HS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Hoàng Thị V 14 (mười bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Hoàng Thị V 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 17 (mười bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/3/2019.

Áp dụng Điều 48 BLHS năm 2015; Điều 584, 585, 587, 589, 357 và Điều 648 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo Hoàng Thị V phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị Đ số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự đối với những người bị hại khác, về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/7/2020, người bị hại là anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị Đ có đơn kháng cáo yêu cầu bị cáo V phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh chị số tiền 1,2 tỷ đồng và xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh Hà Thủ Đ (chồng bị cáo V).

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Tình và chị Đ rút một phần kháng cáo đối với yêu cầu bị cáo V phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh chị số tiền 1,2 tỷ đồng; giữ nguyên yêu cầu đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự đối với chồng bị cáo là anh Hà Thủ Đ.

Bị cáo V thừa nhận hành vi phạm tội của mình, khẳng định thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy đăng ký xe giả để thế chấp vay vợ chồng anh Tình, chị Đ 700.000.000đ; không thừa nhận nhận 1,2 tỷ đồng của anh Tình, chị V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và lời trình bày của bị cáo, người bị

hại tại phiên tòa đã kết luận: Vợ chồng anh Tình, chị Đ không xuất trình được tài liệu chứng minh bị cáo V bán xe ô tô với giá 500 triệu đồng; giấy bán xe không ghi tiền bán xe, không có giấy tờ giao nhận tiền bán xe nên chỉ có cơ sở xác định bị cáo V sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và giấy đăng ký xe giả để chiếm đoạt 700 triệu đồng của anh Tình, chị Đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Đ và anh Tình rút kháng cáo đối với yêu cầu chị V trả 1,2 tỷ đồng. Đối với yêu cầu đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh Hà Thủ Đ (chồng bị cáo V) thấy: Các tài liệu điều tra xác định anh Đ không biết V sử dụng các giấy tờ giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đồng thời, tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giấy bán xe cũng không có chữ ký của anh Đ. Các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm xác định chưa có đủ căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh Đ là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự của anh Tình, chị Đ; không chấp nhận kháng cáo về phần xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh Hà Thủ Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hoàng Thị V thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của người bị hại; các Bản kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Tháng 11/2018 Hoàng Thị V đã đặt mua giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả mang tên Hoàng Thị V để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị Đ với số tiền 700.000.000đ. Cũng bằng thủ đoạn như trên, V đã sử dụng các giấy tờ giả tương tự để chiếm đoạt tài sản của 02 người khác là bà Nguyễn Thị Th và chị Vũ Thị Hồng Phượng. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của 03 người là 2.470.000.000đ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Hoàng Thị V về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 4 Điều 174 và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” được quy định tại khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo V không có kháng cáo.

Xét kháng cáo của người bị hại là anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị Đ, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Đối với kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự yêu cầu bị cáo V phải bồi thường cho anh Tình, chị Đ số tiền 1.200.000.000đ gồm 500.000.000đ tiền bán xe ô tô Kia Cerato BKS 20A-27537 và 700.000.000đ tiền chuyển nhượng thửa đất số 729, Tờ bản đồ số 26 diện tích 200m² tại phường T, thành phố N, tỉnh

Thái Nguyên: Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Tình và chị Đ thừa nhận không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc mua bán xe ô tô, giấy bán xe ô tô không viết số tiền mua bán và không có giấy biên nhận trả tiền mua xe ô tô nên đã tự nguyện rút kháng cáo đối với yêu cầu buộc bị cáo V phải trả cho vợ chồng chị Đ, anh Tình số tiền 1,2 tỷ đồng. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo này.

Đối với kháng cáo về việc xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh Hà Thủ Đ (là chồng của bị cáo V) thấy: Các tài liệu điều tra có trong hồ sơ thể hiện anh Đ hoàn toàn không biết bị cáo V sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và giấy đăng ký xe giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại; không có sự bàn bạc với bị cáo V; không nhận tiền và không được sử dụng số tiền bị cáo V chiếm đoạt. Việc anh Đ ký hợp đồng ủy quyền cho bị cáo V được quyền định đoạt thửa đất số 729 Tờ bản đồ số 26 là do tin tưởng vợ, cho rằng các tài sản này là tài sản hợp pháp của vợ và quy định của pháp luật đối với việc chuyển nhượng các tài sản là bất động sản phải được sự đồng ý của cả vợ chồng nên anh Đ đã ký vào các hợp đồng ủy quyền. Do đó, các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm xác định không có căn cứ xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh Hà Thủ Đ có vai trò đồng phạm cùng với bị cáo V thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là có cơ sở. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh Tình, chị Đ.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của người bị hại không được chấp nhận nên anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị Đ phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 348; điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự của người bị hại là anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị Đ.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2020/HSST ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên về phần trách nhiệm dân sự đối với anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị Đ.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí

đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0008939 ngày 31/7/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1 TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo (qua trại).
- Người bị hại anh Tình, chị Đ (theo địa chỉ)
- Lưu: VP, HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Hạnh